

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 9 – TÂY NINH
TỈNH TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2025/DS-ST

Ngày: 28-8-2025

V/v tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 – TÂY NINH, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Chí Dũng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Thanh Minh.

2. Ông Trương Quang Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 9 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh;

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 9, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Bà Phạm Thị Bé Thơ – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 9 – Tây Ninh, tỉnh Tây Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 118/2024/TLST-DS ngày 26 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2025/QĐXXST-DS ngày 04 tháng 7 năm 2025, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Ngân hàng TMCP T2 (T2); Địa chỉ: Tầng D, 5, 6 Tòa nhà T, Ô Đất P khu đô thị C, phường C, thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của ngân hàng: Ông Hồ Minh T, sinh năm: 1990; Địa chỉ: Số A, T, phường L, tỉnh Tây Ninh. Là người đại diện theo ủy quyền số: 676/2024/UQ-PGDCNLAs ngày 30/9/2024 (*Có mặt*).

2. *Bị đơn:*

- Ông Huỳnh Trung V, sinh năm: 1979.

- Bà Lâm Thị Kim C, sinh năm: 1983.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, tỉnh Tây Ninh.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Lưu Văn N, sinh năm: 1988.

- Bà Lâm Thị Linh P, sinh năm: 1991.

Địa chỉ: Ấp H, xã H, tỉnh Tây Ninh.

(Ông T, ông V có mặt; bà C, ông N, bà P vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 31 tháng 5 năm 2024 và tại phiên tòa đại diện nguyên đơn ông Hồ Minh T trình bày:

Ngày 11/10/2021, ông V và bà C có ký hợp đồng tín dụng số 521.5689/2021/HĐTD-CN/PGBankLA với T2 để vay số tiền 530.000.000 đồng, thời

hạn vay 12 tháng, lãi suất là 11,5%/năm tại thời điểm rút vốn vay lần đầu. Phương thức điều chỉnh lãi suất như sau: lãi suất cố định trong suốt thời gian vay vốn, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn trên số dư nợ gốc quá hạn tương ứng với thời gian chậm trả, lãi suất chậm trả lãi bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Trả lãi định kỳ vào ngày 25 hàng tháng theo dư nợ thực tế, ngày trả lãi đầu tiên 25/10/2021.

Để đảm bảo cho việc thực hiện nghĩa vụ phát sinh có liên quan đến hợp đồng tín dụng trên, ông V và bà C đã ký hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 521.0945/2021/BĐ công chứng ngày 09/10/2019 tại Văn phòng C1, tỉnh Long An, số công chứng 0264, quyền số 01 TP/CC-SCC/HĐGD, Văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 521.0945.02/PL-BĐ, công chứng ngày 11/10/2021 tại Văn Phòng C1, tỉnh Long An, số công chứng 05425, quyền số 03/2021TP/CC-SCC/HĐGD về việc sửa đổi, bổ sung hợp đồng bảo đảm số 521.0945/2019/BĐ ngày 09/10/2019. Tài sản thế chấp được đăng ký theo đơn yêu cầu đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất, tài sản gắn liền với đất tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện T, tỉnh Long An chứng nhận ngày 10/10/2019. Theo đó, tài sản thế chấp để đảm bảo thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho T2 gồm có: Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 601, tờ bản đồ số 4, địa chỉ xã H, huyện T, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số W428786, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 1416QSDĐ do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 06/11/2002 cho hộ ông/bà Lâm Thị Kim C, cập nhật biến động điều chỉnh người sử dụng đất thành ông/bà Lâm Thị Kim C ngày 20/02/2017; Toàn bộ quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với thửa đất số 660, tờ bản đồ số 2, địa chỉ xã H, huyện T, tỉnh Long An theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CD395164, số vào sổ cấp GCN CH01306 do Ủy ban nhân dân huyện T cấp ngày 19/9/2016 cho ông Huỳnh Trung Vĩnh .

Thực hiện Hợp đồng tín dụng nêu trên, T2 đã giải ngân cho Khách hàng 01 lần với tổng số tiền là 530.000.000 đồng theo Khế ước nhận nợ số 521.0689.01/2021/KUNN-CN/PGBankLA ngày 12/10/2021.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, ông V và bà C thường xuyên vi phạm nghĩa vụ trả nợ, T2 đã nhiều lần liên lạc, làm việc và ông V, bà C đã nhiều lần cam kết trả hết nợ nhưng không thực hiện được. Hợp đồng tín dụng đã hết hạn từ 12/10/2022 nhưng đến nay ông V, bà C vẫn chưa trả hết nợ.

Kể từ ngày giải ngân theo khế ước nhận nợ số 521.0689.01/2021/KUNN-CN/PGBankLA ngày 12/10/2021, ông V và bà C mới thanh toán cho T2 tổng số tiền là 296.298.071 đồng, trong đó trả gốc 235.347.319 đồng, trả lãi 60.950.752 đồng.

Nay ông T đại diện Ngân hàng TMCP T2 (T2) yêu cầu ông V, bà C phải liên đới trả cho ngân hàng tổng số tiền tính đến ngày 28/8/2025 là 477.054.160 đồng (294.652.581 đồng tiền nợ vay gốc + nợ lãi quá hạn số tiền 182.401.579 đồng = 477.054.160 đồng).

Yêu cầu tiếp tục tính lãi, lãi suất quá hạn tính từ ngày 29/8/2025 cho đến khi thanh toán hết nợ theo nội dung hợp đồng tín dụng đã ký kết ngày 11/10/2021.

Đồng thời, yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp ông V, bà C, đã ký kết cho đến khi thực hiện xong nghĩa vụ trả nợ ngân hàng.

Bị đơn ông Huỳnh Trung V trình bày:

Ông Vĩnh thừa N1 vào ngày 11/10/2021, vợ chồng ông có ký hợp đồng tín dụng và hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất với Ngân hàng T2 (T2) để vay vốn số tiền 530.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn là 11,5%/năm, thỏa thuận trả lãi hàng tháng. Thời gian đầu vợ chồng ông vẫn trả nợ đầy đủ hàng tháng cho ngân hàng, thời gian sau này do dịch bệnh làm ăn khó khăn nên vợ chồng ông không còn khả năng trả nợ hàng tháng cho ngân hàng. Nay ông V đồng ý liên đới với bà C trả nợ gốc số tiền 294.652.581 đồng, còn phần tiền lãi ông V xin tính lãi suất theo mức lãi suất trong hạn là 11,5%/năm. Ông đồng ý tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp là quyền sử dụng đất đã ký kết với ngân hàng cho đến khi trả hết nợ cho ngân hàng.

Còn đối với những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan hiện nay đang trực tiếp sản xuất đất của ông thì ông không ý kiến vì ông N, bà P không ai có yêu cầu trong vụ án này.

Bị đơn bà Lâm Thị Kim C vắng mặt nên không có ý kiến trình bày:

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Lưu Văn N và bà Lâm Thị Linh P vắng mặt nên không có ý kiến trình bày:

Tòa án đã tiến hành mở phiên hòa giải giữa các đương sự nhưng không tiến hành hòa giải được, do bà C, ông N và bà P vắng mặt.

Các bên đương sự xác định đã cung cấp đầy đủ chứng cứ cho Tòa án, không còn cung cấp thêm chứng cứ nào khác.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán là đúng theo quy định; Hội đồng xét xử đều đúng quy định của pháp luật; nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Kiểm sát viên phát biểu quan điểm về giải quyết vụ án:

Ngân hàng T2 (T2) yêu cầu ông V, bà C phải liên đới trả tổng số tiền là 477.054.160 đồng (trong đó nợ gốc 294.652.581 đồng + 182.401.579 đồng nợ lãi) và yêu cầu tiếp tục tính lãi cho đến khi ông V, bà C trả hết nợ cho ngân hàng theo mức lãi suất thỏa thuận tại các hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ ông V, bà C đã ký kết với ngân hàng, yêu cầu tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp là quyền sử dụng đất các thửa 601, tờ bản đồ số 4 và thửa số 660, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã H, huyện T, tỉnh Long An cho đến khi ông V, bà C trả hết nợ cho ngân hàng là có căn cứ chấp nhận vì: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 521.5689/2021/HĐTD-CN/PGBankLA ngày 11/10/2021, giải ngân ngày 12/10/2021 theo theo Khế ước nhận nợ số 521.0689.01/2021/KUNN-CN/PGBankLA ngày 12/10/2021, căn cứ vào Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 521.0945/2021/BĐ công chứng ngày 09/10/2019, ông V, bà C vay của Ngân hàng T2 số tiền vay gốc là 530.000.000 đồng với mức lãi suất cho vay 11,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất tiền vay tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, lãi suất chậm trả lãi bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn nhưng không vượt quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả, thời gian vay 12 tháng, ông V, bà C thế chấp Ngân hàng quyền sử dụng đất thửa số 601, tờ

bản đồ số 4 và thửa số 660, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã H, huyện T, tỉnh Long An có chữ ký của ông V, bà C thể hiện ông V, bà C có vay của Ngân hàng T2 số tiền là 530.000.000 đồng. Ông V, bà C có trả cho ngân hàng số tiền 296.298.071 đồng (trong đó trả gốc là: 235.347.319 đồng, trả lãi là: 60.950.752 đồng), ông V và bà C còn nợ lại ngân hàng số tiền vay gốc 294.652.681 đồng. Ông V thừa nhận có vay của ngân hàng số 530.000.000 đồng, thời hạn vay là 12 tháng, lãi suất cho vay trong hạn là 11,5%/năm, thoả thuận trả lãi hàng tháng, có trả cho ngân hàng và còn nợ số tiền vay gốc 294.652.681 đồng, ông V đồng ý liên đới với bà C trả phần nợ gốc số tiền 294.652.581 đồng cho Ngân hàng TMCP T2 (T2).

Ông V, bà C là vợ chồng hợp pháp nên buộc ông V, bà C phải liên đới trả cho Ngân hàng T2 tổng số tiền là 477.054.160 đồng (trong đó nợ gốc 294.652.581 đồng + 182.401.579 đồng nợ lãi) và lãi suất phát sinh tương ứng theo mức lãi suất được quy định trong hợp đồng tín dụng và khế ước nhận nợ và tiếp tục thực hiện hợp đồng thế chấp là quyền sử dụng đất các thửa 601, tờ bản đồ số 4 và thửa số 660, tờ bản đồ số 2, tọa lạc tại xã H, huyện T, tỉnh Long An cho đến khi ông V, bà C trả hết nợ cho Ngân hàng là phù hợp theo quy định tại Điều 91, Điều 94, Điều 95, 98 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

Quan hệ tranh chấp trong vụ án này là tranh chấp “Hợp đồng tín dụng” theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

Ông Huỳnh Trung V, bà Lâm Thị Kim C có địa chỉ tại ấp H, xã H, tỉnh Tây Ninh. Do đó, căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 9 – Tây Ninh.

Bà C, ông N và bà P được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không đến, Tòa án lập biên bản không tiến hành hòa giải được theo khoản 1 Điều 207 của Bộ luật tố tụng dân sự và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Sau khi Tòa án có quyết định đưa vụ án ra xét xử, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bà C, ông N, bà P nhưng các đương sự vẫn vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan theo quy định tại Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Ngân hàng TMCP T2 (T2) yêu cầu ông Huỳnh Trung V, bà Lâm Thị Kim C phải liên đới trả cho ngân hàng tổng số tiền 477.054.160 đồng (294.652.581 đồng tiền nợ vay gốc + nợ lãi quá hạn số tiền 182.401.579 đồng = 477.054.160 đồng).

Ông Huỳnh Trung V đồng ý liên đới với bà Lâm Thị Kim C trả cho Ngân hàng TMCP T2 (T2) số tiền gốc 294.652.581 đồng và xin trả lãi suất trong hạn.

[3]. Hội đồng xét xử nhận định:

[3.1]. Căn cứ hợp đồng tín dụng số 521.5689/2021/HĐTD-CN/PGBankLA ngày 11/10/2021, khế ước nhận nợ số 521.0689.01/2021/KUNN-CN/PGBankLA ngày 12/10/2021 thể hiện ông V, bà C đã vay vốn của Ngân hàng TMCP T2 (T2) với số tiền 530.000.000 đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng thì ông V, bà C đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, dẫn đến phát sinh nợ quá hạn. Tính đến ngày 28/8/2025, ông V và bà C nợ Ngân hàng thương mại cổ phần T2 và Phát triển số tiền gốc là 294.652.581 đồng.

Ông Huỳnh Trung V thừa nhận nợ và đồng ý liên đới với bà Lâm Thị Kim C trả cho ngân hàng số tiền nợ gốc 294.652.581 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

Như vậy, việc ông V và bà C vay tiền của ngân hàng là có thật. Nay ngân hàng yêu cầu ông V, bà C phải liên đới trả số tiền 294.652.581 đồng là có căn cứ chấp nhận theo hợp đồng tín dụng đã ký kết và phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

[3.2]. Ngân hàng TMCP T2 (T2) yêu cầu ông Huỳnh Trung V, bà Lâm Thị Kim C phải liên đới thanh toán tiền lãi quá hạn tính đến ngày 28/8/2025 tổng cộng là 182.401.579 đồng; ông V xin trả tiền lãi suất trong hạn.

Hội đồng xét xử nhận định: Hợp đồng tín dụng số 521.5689/2021/HĐTD-CN/PGBankLA ngày 11/10/2021 các bên đã thống nhất thỏa thuận trả nợ gốc, lãi suất và phí liên quan, nên việc ông V, bà C không thanh toán tiền nợ gốc, nợ lãi theo đúng thời hạn đã thỏa thuận là vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Xét về thời gian tính lãi, mức lãi suất quá hạn mà ngân hàng đã áp dụng là hoàn toàn phù hợp theo thỏa thuận của các bên đương sự được quy định tại Điều 3 của hợp đồng tín dụng mà ông V, bà C đã ký kết với ngân hàng và phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 8 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11 tháng 01 năm 2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

[3.3]. Bà Lâm Thị Kim C vắng mặt không có lý do trong suốt quá trình Tòa án tiến hành điều tra thu thập chứng cứ, hòa giải và tại phiên toà hôm nay, mặc dù đã được Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ, bà C đã tự từ bỏ quyền tranh tụng tại toà để bảo vệ quyền lợi cho mình.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử xét thấy Ngân hàng TMCP T2 và Phát T1 yêu cầu ông Huỳnh Trung V, bà Lâm Thị Kim C phải liên đới trả tổng số tiền 477.054.160 đồng (294.652.581 đồng tiền nợ vay gốc + nợ lãi quá hạn số tiền 182.401.579 đồng = 477.054.160 đồng) là có căn cứ chấp nhận.

[3.4]. Đề nghị của Kiểm sát viên đại diện Viện kiểm sát nhân khu vực 9, tỉnh Tây Ninh là có căn cứ chấp nhận.

[3.5] Về chi phí tố tụng (thẩm định tại chỗ): Do yêu cầu khởi kiện của ngân hàng được chấp nhận nên ông V, bà C phải liên đới chịu toàn bộ chi phí thẩm định là 2.000.000 đồng. Do ngân hàng đã tạm ứng chi phí tố tụng nên ông V, bà C có nghĩa vụ trả lại tiền chi phí tố tụng cho ngân hàng.

[3.6]. Về án phí: Áp dụng Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Do yêu cầu của ngân hàng được chấp nhận nên ông V, bà C phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền phải trả cho ngân hàng.

Ngân hàng TMCP T2 và Phát T1 không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm; Hoàn trả lại tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm cho ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 26, 35, 39, 147, 235 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 288, 463, 466 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Căn cứ vào các Điều 17, 27, 37 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 2 Điều 91, Điều 95 của Luật các tổ chức tín dụng năm 2010 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng TMCP T2 (T2) đối với ông Huỳnh Trung V, bà Lâm Thị Kim C về việc tranh chấp “Hợp đồng tín dụng”.

Ông Huỳnh Trung V, bà Lâm Thị Kim C có nghĩa vụ liên đới trả cho Ngân hàng TMCP T2 (T2) tổng số tiền 477.054.160 đồng (294.652.581 đồng tiền nợ vay gốc + Nợ lãi quá hạn số tiền 182.401.579 đồng = 477.054.160 đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm, ông V và bà C còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Tiếp tục thực hiện Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 521.0945/2021/BĐ ngày 09/10/2019 và sửa đổi, bổ sung hợp đồng số 521.0945.02/PL-BĐ ngày 11/10/2021 giữa Ngân hàng TMCP T2 (T2) với ông Huỳnh Trung V, bà Lâm Thị Kim C cho đến khi ông V, bà C trả hết nợ cho ngân hàng.

Sau khi ông Huỳnh Trung V, bà Lâm Thị Kim C hoàn tất nghĩa vụ thanh toán nợ nêu trên thì Ngân hàng TMCP T2 (T2) có trách nhiệm trả lại toàn bộ bản chính giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho ông Huỳnh Trung V, bà Lâm Thị Kim C.

2. Về chi phí tố tụng: Ông Huỳnh Trung V, bà Lâm Thị Kim C phải liên đới chịu 2.000.000 đồng. Do bà ngân hàng đã nộp nên ông V, bà C phải liên đới trả lại cho Ngân hàng TMCP T2 (T2) số tiền 2.000.000 đồng.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Về án phí:

Ông Huỳnh Trung V, bà Lâm Thị Kim C phải liên đới chịu 23.082.000 đồng (đã làm tròn) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Ngân hàng TMCP T2 (T2) không phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm, hoàn trả lại cho Ngân hàng TMCP T2 (T2) 10.420.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo biên lai

thu số 0002134 ngày 25/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Hưng, tỉnh Long An – Nay là Phòng thi hành án dân sự khu vực 9, tỉnh Tây Ninh.

Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận

- TAND tỉnh;
- VKSND khu vực/tỉnh;
- Phòng THA DS khu vực;
- Các Đ/s;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA-
(Đã ký)**

Lê Chí Dũng